

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **42** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **22** tháng **01** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở: Xí nghiệp may Hà Quảng tại Công văn số 05/XNMHQ ngày 15 tháng 4 năm 2025, Công văn số 329/CV-XN ngày 31 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 61/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng, địa chỉ trụ sở chính tại Tổ dân phố 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Xí nghiệp may Hà Quảng, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xí nghiệp may Hà Quảng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Mã số dự án 29211000016; chứng nhận lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2009 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị).

1.4. Mã số thuế: 0100101308-021.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 51.463,9 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất thiết kế: 15,6 triệu sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

Thiết kế mẫu/Giác sơ đồ mẫu → Cắt → May → Thùa, đính → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Là → Đóng gói → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

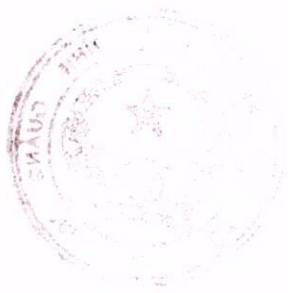
Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Sở: Công Thương, Xây dựng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND phường Đồng Thuận;
- Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng;
- VPUB: CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*



Lê Đức Tiến



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **42** /GPMT-UBND
ngày **22** tháng **01** năm **2026** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: 01 (một) dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ điều hòa tại tổ dân phố 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tại tổ dân phố 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1934557,2$; $Y(m) = 561696,4$.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $120 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả tự chảy theo đường ống dẫn thoát ra điểm tiếp nhận. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt.

2.6. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải và theo lộ trình áp dụng như sau:

- Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2031: Áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B với giá trị $C_{\max}$; $K_q = 0,6$; $K_f = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT ($C_{\max}$, cột B, $K_q = 0,6$; $K_f = 1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	33	
3	COD	mg/l	99	

4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	66
5	Sunfua	mg/l	0,33
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,6
7	Tổng Nito	mg/l	26,4
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6,6
10	Clo dư	mg/l	1,32
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 1 và 2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT, (Cột B, Bảng 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 60	
3	COD	mg/l	≤ 90	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 80	
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 10	
7	Tổng Nito	mg/l	≤ 40	
8	Tổng Phốt pho	mg/l	≤ 2,5	
9	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5,0	
10	Clo dư	mg/l	≤ 2,0	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤ 5.000	
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	
13	Chloroform (CHCl ₃)	mg/l	≤ 0,8	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (Nguồn số 01):

+ Nước thải đen: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn (cơ sở có 03 bể tự hoại). Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ Nước thải xám: Được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý trước khi thải ra môi trường.

+ Nước thải nhà ăn: Được thu gom và xử lý qua bể tách dầu 4 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất (Nguồn số 02): Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể lắng 02 ngăn; sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí bậc 1 → Bể hiếu khí bậc 2 → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Thiết bị lọc than hoạt tính → Bể khử trùng → Hồ ga kiểm tra → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Cloramin.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước, kịp thời khắc phục các sự cố.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 02/2026 đến tháng 6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất: 120 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến 106⁰, cụ thể: X(m) = 1934569,1; Y(m) = 561707,2.

- Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải; tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến 106⁰, cụ thể: X(m) = 1934557,2; Y(m) = 561696,4.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo quy định tại Mục 2.7 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ

trường Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng ngay hoạt động sản xuất, khẩn trương khắc phục hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải mới tiếp tục đi vào hoạt động trở lại, đảm bảo nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế, UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.
- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
- Chi nhánh Tổng Công ty May 10 - Công ty CP Xí nghiệp may Hà Quảng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải theo đúng quy định của pháp luật.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **42** /GPMT-UBND
ngày **22** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh tại lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả bụi, khí thải:**

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý.

- Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên của Nhà máy, tại tổ dân phố 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị; tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰, cụ thể: X(m) = 1934704,0; Y(m) = 561719,1.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.600 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải theo lộ trình áp dụng như sau:

- Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2031: Áp dụng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp=1,0 và Kv=1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp=1,0 và Kv=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	
2	Áp suất	mmHg	-	
3	Nhiệt độ	°C	-	
4	Bụi	mg/Nm ³	200	
5	CO	mg/Nm ³	1.000	
6	SO ₂	mg/Nm ³	500	
7	NO _x	mg/Nm ³	850	

- Từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C, Bảng 1 và Bảng 2, 1.3. Thiết bị sử dụng nhiên liệu sinh khối dạng rắn), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT (Cột C, 1.3. Thiết bị sử dụng nhiên liệu sinh khối dạng rắn)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	
2	Áp suất	mmHg	-	
3	Nhiệt độ	°C	-	
4	Bụi	mg/Nm ³	≤ 60	
5	CO	mg/Nm ³	≤ 350	
6	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 250	
7	NO _x	mg/Nm ³	≤ 300	
8	Độ khói	Giá trị Ringelmann	≤ 2	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Dòng khí thải phát sinh tại lò hơi được thu gom, xử lý qua Cyclone, sau đó dẫn qua tháp lọc bụi ướt và hấp thụ đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thoát ra môi trường qua ống thải cao 20,0m, đường kính 0,3 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải → Cyclone → Quạt hút → Tháp lọc ướt + hấp thụ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 2.600 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Vôi bột

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, bảo đảm độ ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, sửa chữa, khắc phục kịp thời, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không xả thải, không gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý bụi và khí thải. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường liên quan.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 02/2026 đến tháng 6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải tại mục 1.2 phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Có vị trí tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, cụ thể: $X(m) = 1934704,0$; $Y(m) = 561719,1$.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra đối với mỗi nguồn thải) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

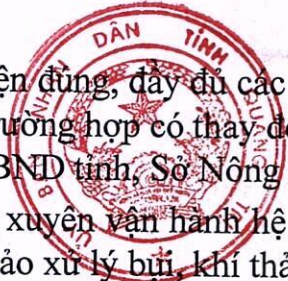
3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, khí thải trong quá trình hoạt động; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của cơ sở; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.



- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, cụ thể: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **42** /GPMT-UBND

ngày **22** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất số 01; có toạ độ: X(m) = 1934605,8; Y(m) = 561635,3.

- Nguồn số 02: Tại khu vực nhà xưởng sản xuất số 02; có toạ độ: X(m) = 1934664,5; Y(m) = 561649,3.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo lộ trình áp dụng như sau:

- Từ thời điểm được cấp giấy phép môi trường đến ngày 31/12/2026: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

- Từ ngày 01/01/2027 áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

+ Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và giá trị tối đa cho phép đối với mức rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chú trọng công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **42** /GPMT-UBND
ngày **22** tháng **01** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	5
	Tổng khối lượng		25

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Tro lò đốt nồi hơi khoảng 34,56 tấn/năm.
- Vải phế liệu khoảng 120 tấn/năm.
- Bùn thải khoảng 850 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200 kg/ngày (khoảng 60.000 kg/năm).

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	10
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	30
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại nguy hại	18 02 01	20
	Tổng cộng		60

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư 07/2025/TT-BTNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát.

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát phát sinh; tập kết vào kho và hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý chất thải nguy hại để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích khoảng 12,0 m², có mái che, nền xi măng, tường che bằng tôn, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

+ Tro lò đốt nồi hơi được thu gom vào bao, tập kết vào kho và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định.

+ Vải phế liệu được thu gom, tập kết vào kho và bán cho các đơn vị thu mua.

+ Bùn thải định kỳ nạo vét và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích khoảng 200,0 m², có mái che, nền xi măng, tường che bằng tôn, có biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị thùng có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng, nhà bếp và các khu chức năng của cơ sở để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Thực hiện việc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **42** /GPMT-UBND

ngày **22** tháng **01** năm **2020** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.

2. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải; trong quá trình sử dụng máy phát điện dự phòng phải đảm bảo thông thoáng khí, tránh ô nhiễm khí thải cục bộ ảnh hưởng đến nhân viên vận hành

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ hoàn công công trình bảo vệ môi trường do Chủ cơ sở cung cấp; Chủ cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).